CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Thủy điện Bắc Hà

Ngày 31/03/2024	17,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	10.8%	**19.0%**	**19.7%**

DT thuần
Q1/24
43.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼35.4| -44.6%
YoY: ▲ 11.4| 35.2%

LN thuần
Q1/24
-1.49
tỷ VNĐ
QoQ: ▼31.2| -105%
YoY: ▲ 14.5| 90.7%

LN sau thuế
Q1/24
-1.49
tỷ VNĐ
QoQ: ▼30.8| -105%
YoY: ▲ 13.5| 90.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
30.6%
YoY: +/-▼ 29.9%

ROE (TTM)
Q1/24
14.5%
YoY: +/-▲ 1.7%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	11,247 - 17,888
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,135
Số lượng CPLH (CP)	66,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,090
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.43)
EPS	1,868
P/E	9.2

DT thuần
2023
308
tỷ VNĐ
YoY: ▼61.0| -16.5%

LN thuần
2023
112
tỷ VNĐ
YoY: ▼52.0| -31.9%

LN sau thuế
2023
108
tỷ VNĐ
YoY: ▼46.0| -30.2%

Cơ cấu cổ đông

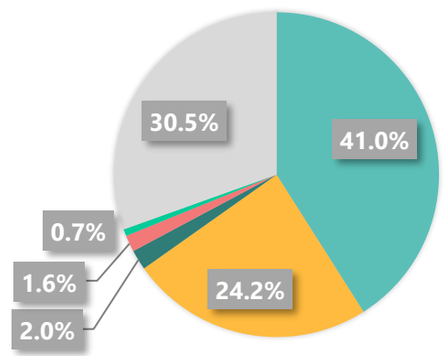

- Tổng Công ty Licogi - CTCP
- CTCP Đầu tư Bắc Hà
- Hồ Thị Kim Ánh
- Nguyễn Phúc Vĩnh Đại
- Công ty TNHH Kinh doanh bất động sản Mặt Trời Mới
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

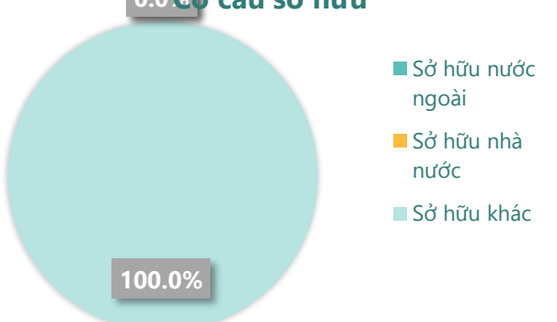

- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

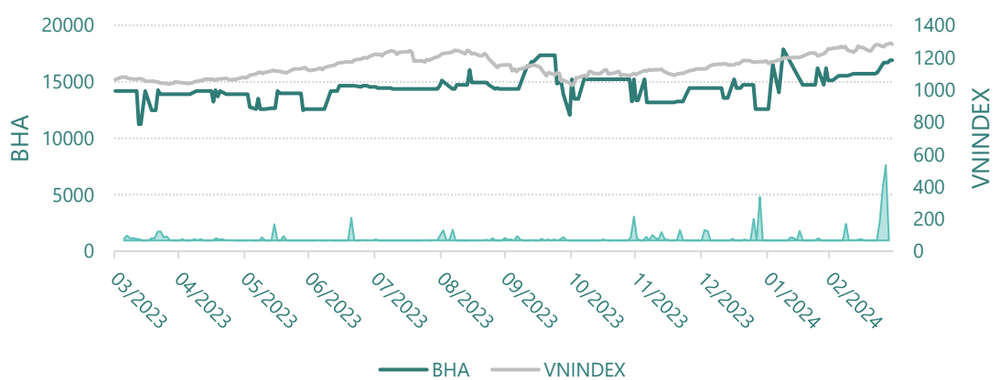

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

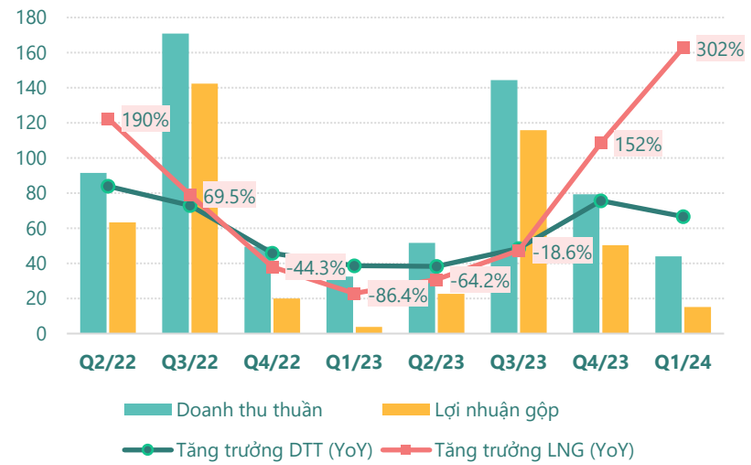

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

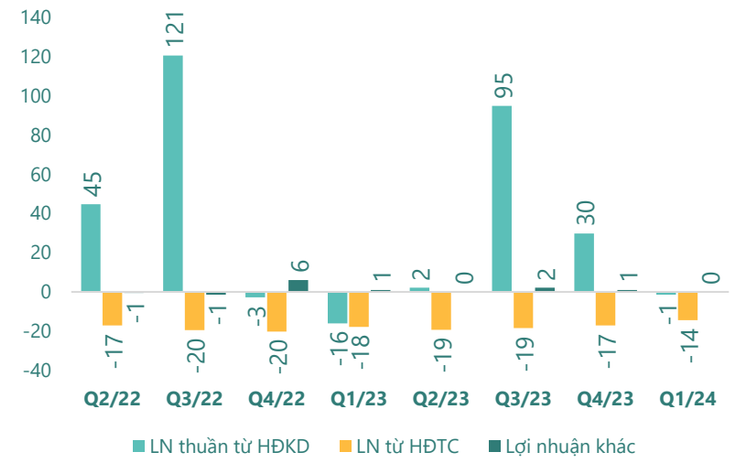

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

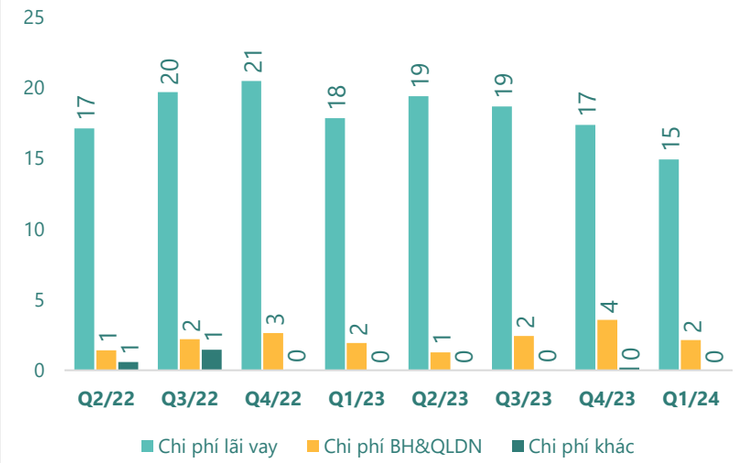

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

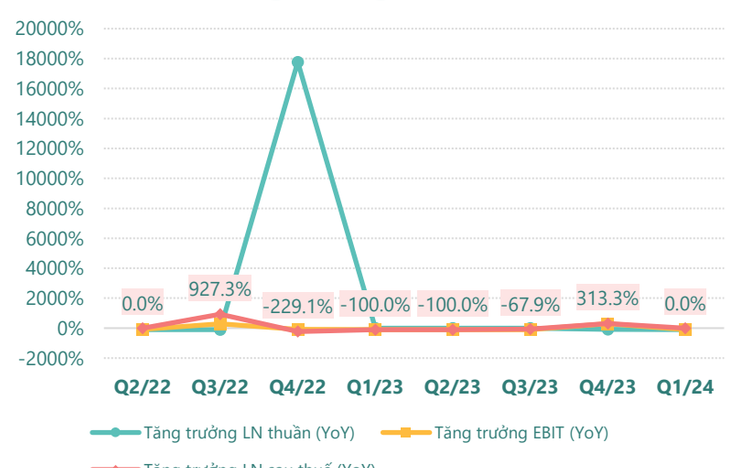

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

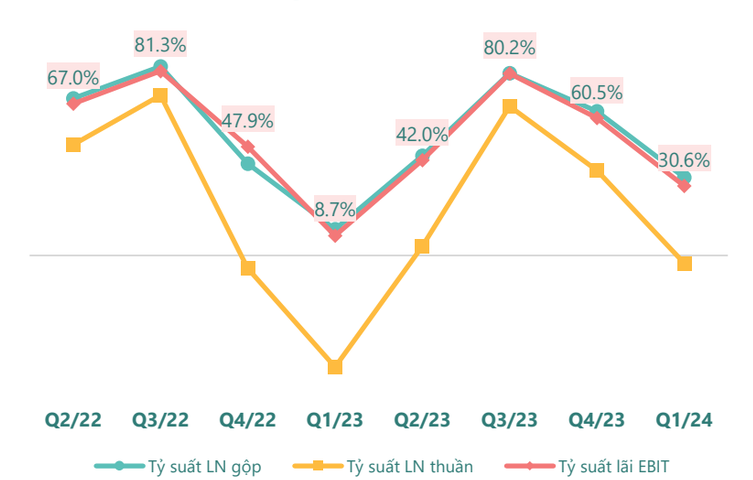

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

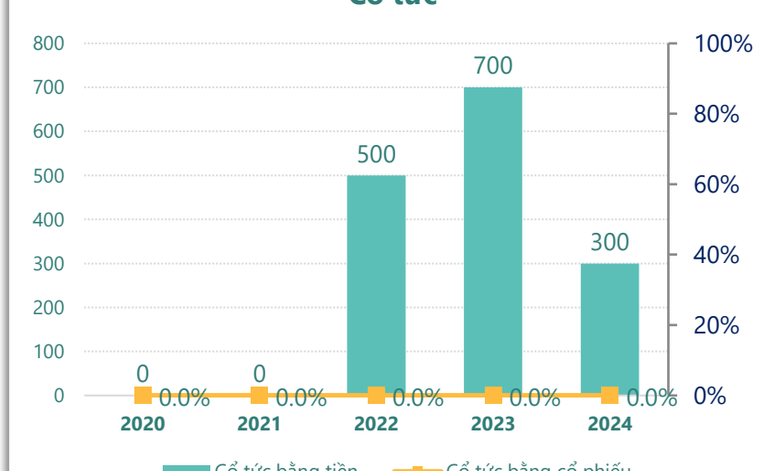

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

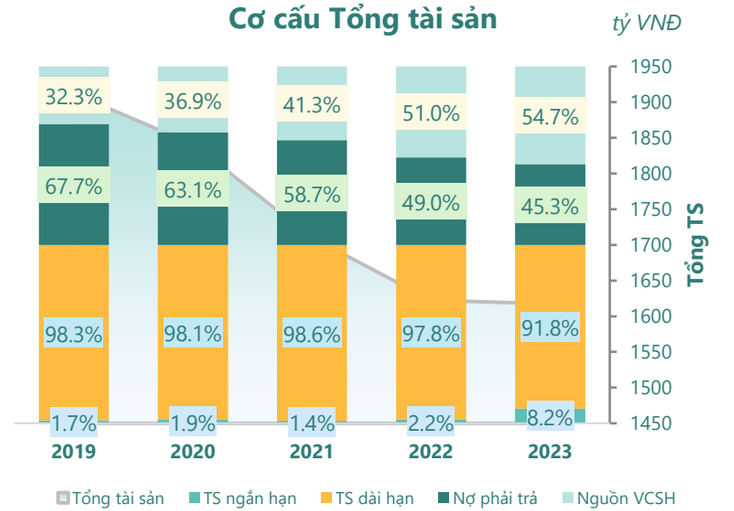

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

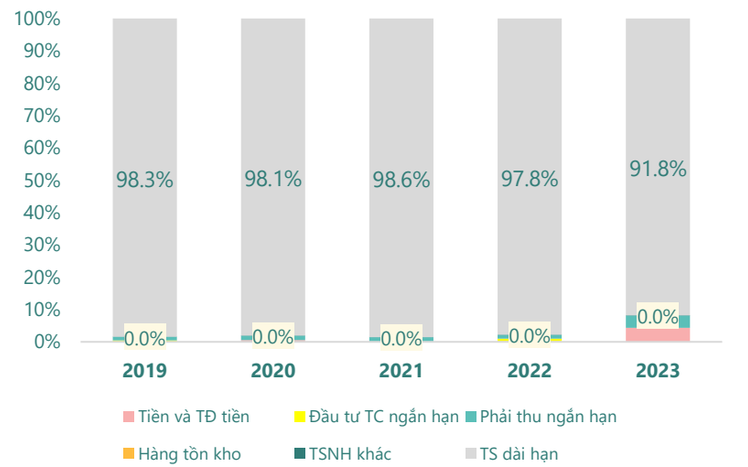

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

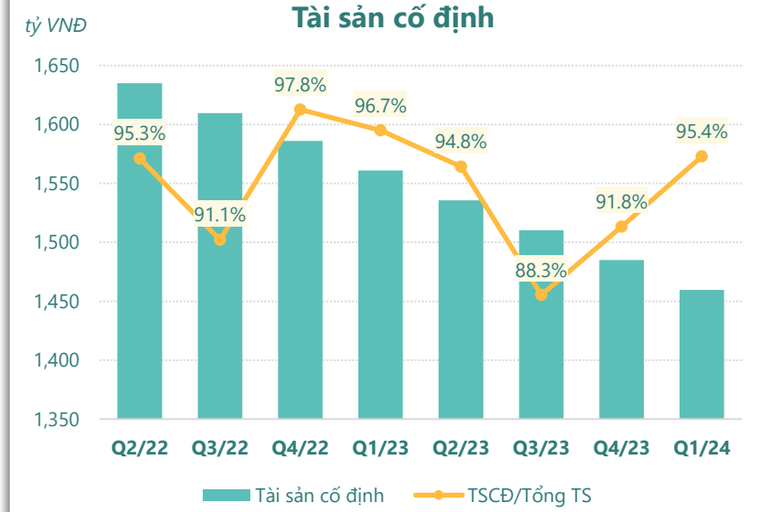

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

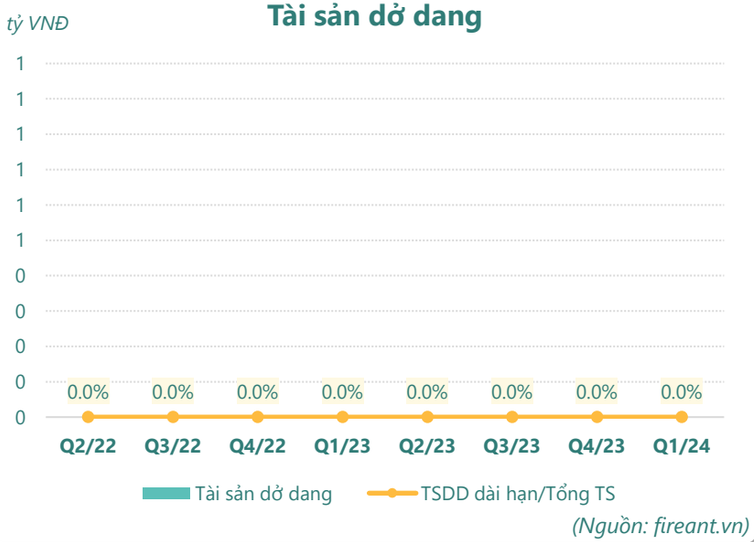

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

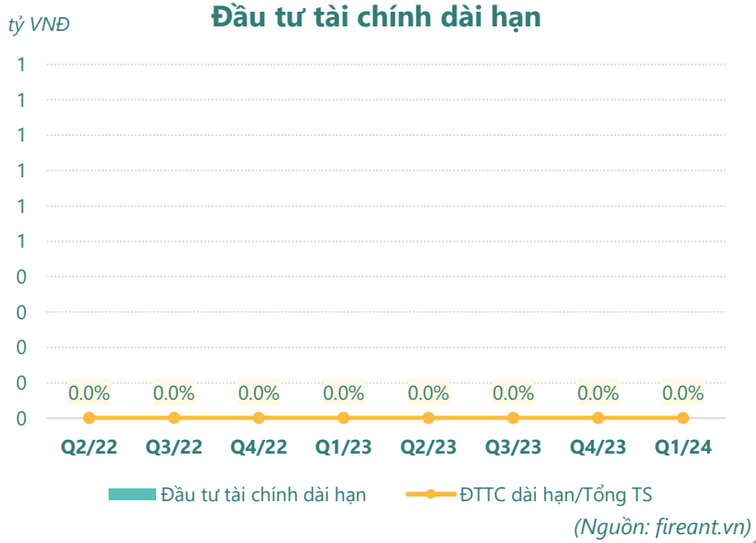

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

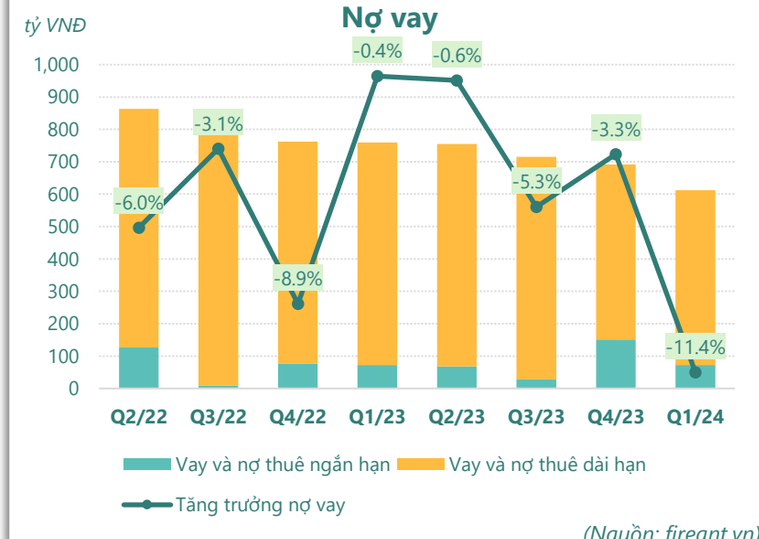

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

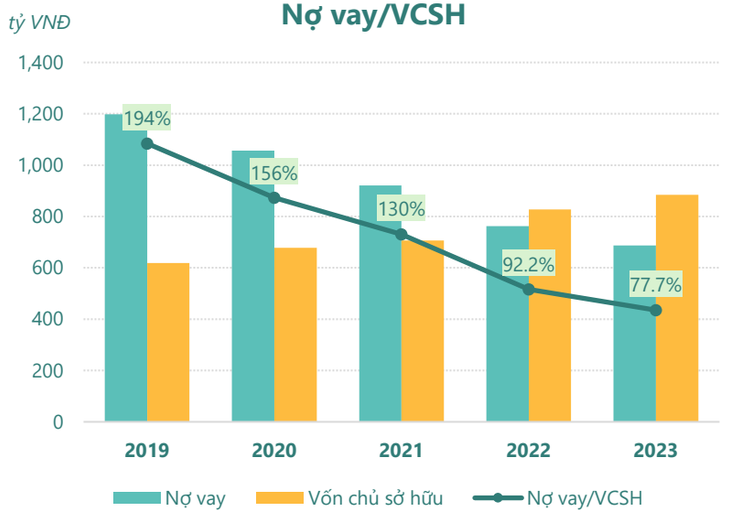

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

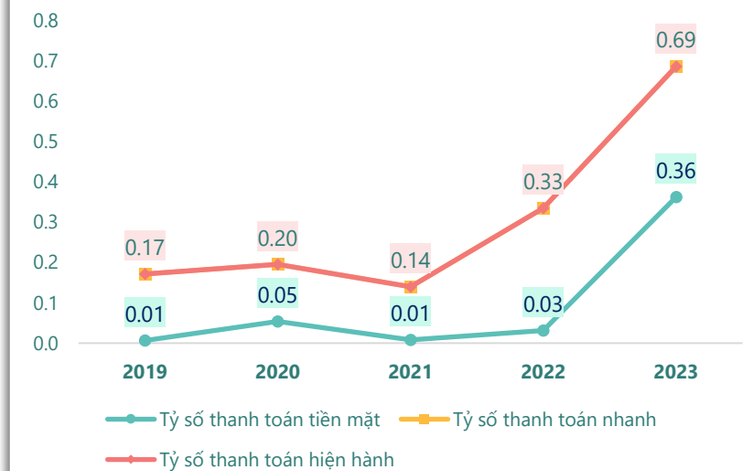

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

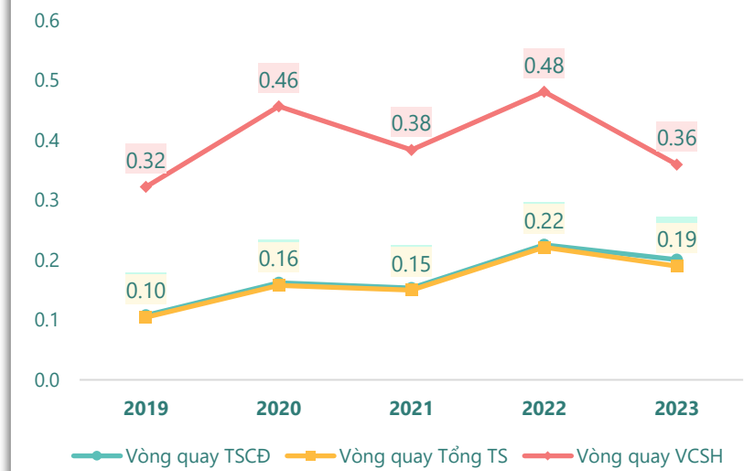

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

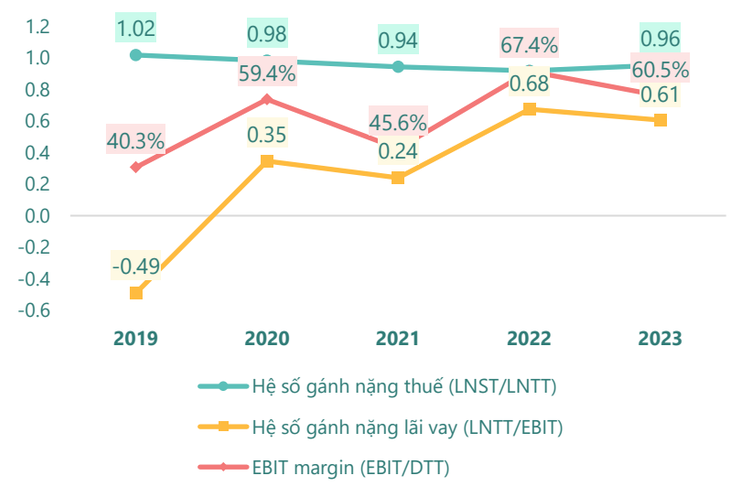

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

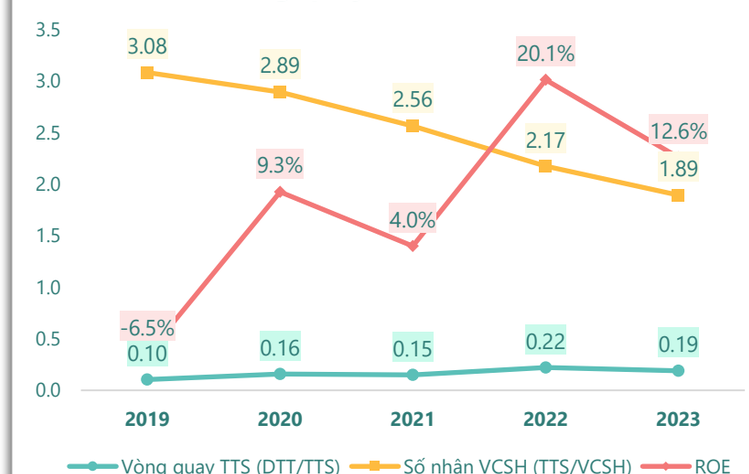

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

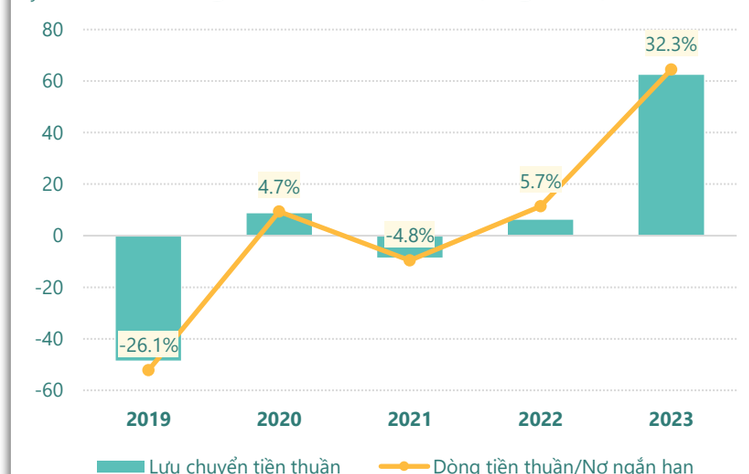

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**43.9**	**32.5**	**35.2%**	**308**	**369**	**-16.5%**
Giá vốn hàng bán	28.8	28.8	0.0%	115	115	-0.3%
Lợi nhuận gộp	15.1	3.76	302%	193	253	-23.9%
Doanh thu HĐTC	0.47	0.03	1481%	1.68	0.51	232%
Chi phí TC	14.9	17.9	-16.6%	73.4	81.0	-9.4%
Chi phí lãi vay	14.9	17.9	-16.6%	73.4	80.7	-9.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**2.15**	**1.94**	**10.7%**	**9.22**	**8.47**	**8.8%**
LN thuần từ HĐKD	-1.49	-16.0	90.7%	112	164	-31.9%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.99**	**-100%**	**0.87**	**3.43**	**-74.7%**
LN trước thuế	-1.49	-15.0	90.1%	113	168	-32.8%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.49**	**-15.0**	**90.1%**	**108**	**154**	**-30.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-1.49**	**-15.0**	**90.1%**	**108**	**154**	**-30.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	55.7	15.0	-4.89	82.2	82.2	38.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	10.4	-0.59	0.85	-1.40	-1.40	-1.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-64.2	-2.47	-5.27	-39.8	-39.8	-78.8
Tiền đầu kỳ	1.45	7.67	19.6	7.67	7.67	70.0
Lưu chuyển tiền thuần	**1.92**	**12.0**	**-9.31**	**40.9**	**40.9**	**-41.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.37	19.6	10.3	48.6	48.6	28.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,531**	**1,618**	**-5.4%**
Tài sản ngắn hạn	71.0	133	-46.5%
Tiền và tương đương tiền	28.4	70.0	-59.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	42.4	62.2	-31.9%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.16	0.39	-60.0%
Tài sản dài hạn	**1,460**	**1,485**	**-1.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,460	1,485	-1.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	648	733	-11.7%
Nợ ngắn hạn	**108**	**193**	**-44.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	72.6	151	-52.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.59	2.89	-10.6%
Nợ dài hạn	540	540	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	540	536	0.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**883**	**884**	**-0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**883**	**884**	**-0.2%**
Vốn điều lệ	660	660	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)